

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Tôn
- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Lê Hải A, sinh năm: 1999; địa chỉ: thôn V, xã N, tỉnh H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ma Văn Đ, sinh năm: 1996; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã Y, tỉnh L; nơi tạm trú: Ông T, tổ dân phố B, phường V, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến của bà Nguyễn Lê Hải A là nguyên đơn trình bày:

Bà Hải A và ông Ma Văn Đ kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, các bên được tự do tìm hiểu, không bị lừa dối ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 25/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2024 vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã ly thân với nhau trong một thời gian dài nhưng không thể giải quyết mâu

thuần. Bà Hải A nhận thấy đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, quan điểm sống không đồng nhất, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hải A yêu cầu được ly hôn với ông Ma Văn Đ.

Về con chung: Bà Hải A và ông Ma Văn Đ có 02 con chung là Ma Thị Thùy D, sinh ngày 09/5/2019 và Ma Hiếu N, sinh ngày 31/12/2021. Bà Hải A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ma Thị Thùy D, đề nghị giao con chung Ma Hiếu N cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Hải A không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hải A nộp cho Tòa án 01 bản sao Quyết định tuyển dụng viên chức số 11700 ngày 12/11/2025 của Sở nội vụ tỉnh H về việc tuyển dụng bà Hải A vào làm giáo viên mầm non, lương bậc 2, hệ số 2,41 tại Trường Mầm non Xuân T thuộc xã X, tỉnh H. Bà Hải A xác định có thu nhập, nơi cư trú ổn định, đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Bà Hải A không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của ông Ma Văn Đ là bị đơn trình bày:

Các nội dung bà Hải A trình bày về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống, ông Đ thừa nhận có những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày, tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Ông xác định vợ chồng vẫn còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Hải A, ông Đ có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Hải A.

Về con chung: ông Đ xác định vợ chồng có 02 con chung như bà Hải A trình bày là đúng. Ông Đ trình bày từ khi các con sinh ra đến nay đều sống chung với bố và ông bà nội. Ông Đ cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng đào tạo số 380199 của Công ty T (Việt Nam) và bảng giao dịch lương 03 tháng với số lương trung bình khoảng 17.000.000đ. Ông Đ xác định bản thân có thu nhập ổn định, hiện các con đều đang sống ổn định cùng bố và ông bà nội nên ông Đ đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà Hải A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên giải quyết các tranh chấp. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia

tổ tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Hải A, cho bà Hải A được ly hôn với ông Ma Văn Đ; Về con chung, giao con chung là Ma Thị Thùy D cho bà Nguyễn Lê Hải A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Ma Hiếu N cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Ma Văn Đ và bà Nguyễn Lê Hải A; Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hải A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Ma Văn Đ hiện cư trú tại tổ dân phố B, phường V, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Hải A và ông Ma Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L (nay là xã Y, tỉnh L) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 25 tháng 02 năm 2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hải A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Hải A trình bày quá trình chung sống với nhau vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến ran nứt gia đình trầm trọng. Ông Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, tuy nhiên thực tế vợ chồng đã ly thân với nhau trong một đi thời gian dài. Qua các tài liệu trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thể hiện các đương sự có mâu thuẫn gia đình do bà Hải A không chung thủy, ông Điệp thường xuyên xúc phạm bà Hải A. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hải A và ông Đ là có thật, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau... 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Bà Hải A xác định đã không còn tình cảm với ông Đ và yêu cầu được ly hôn. Điều này cho thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Hải A được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Hải A và ông Ma Văn Đ có 02 con chung là cháu Ma Thị Thùy D và cháu Ma Hiếu N. Từ nhỏ, các con chung đều sống với bố mẹ

và ông bà nội tại L. Đến năm 2024, bà Hải A phải làm việc xa nhà, ông Đ cũng thường xuyên làm việc xa nhà. Do vậy, thực tế phần lớn thời gian các con chung đều sống với ông bà nội. Xét thấy, các đương sự đều có thu nhập ổn định, đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Ma Thị Thùy D là con gái, còn nhỏ nên cần ưu tiên sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần giao con chung Ma Thị Thùy D cho bà Nguyễn Lê Hải A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Con chung Ma Hiếu N là con trai, từ nhỏ đã sinh sống cùng ông bà nội và bố nên cần tiếp tục giao cho ông Ma Văn Đ chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hải A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Hải A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Hải A được ly hôn với ông Ma Văn Đ.
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Lê Hải A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ma Thị Thùy D, sinh ngày 09/5/2019; giao cho ông Ma Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ma Hiếu N, sinh ngày 31/12/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hải A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002350 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bà Nguyễn Lê Hải A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bà Nguyễn Lê Hải A và ông Ma Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Y, tỉnh L
(Giấy CNKH số 03 ngày 25/02/2019
của UBND xã H, huyện H, tỉnh L trước
đây);
- Đường sự;
- Công TTĐT TAND Tối cao;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Xuân Lộc